

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 279-V02/TPP-CTY/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **HỘP THỰC PHẨM NÚT NHẪN HOKKAIDO**

2. Thành phần: Nhựa PP, nhựa AS, Silicone, hạt màu, phụ gia chứa ion bạc (Ag+).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido được đóng quy cách 60 cái/ thùng carton hoặc 40 cái/ thùng carton.

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

• Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

• Sản xuất tại:

+ Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh).

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

+ Công Ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam.

Trụ sở: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy sản xuất: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (được mã hóa là Nhà máy Đồng Nai 2).

+ Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Long An (được mã hóa là Nhà máy Long An).

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ (lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 12 năm 2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Tên sản phẩm: <i>Product name</i>	Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido <i>Hokkaido push button food container</i>
Loại: <i>Type</i>	Bộ 02 hộp: 500 - 1000 ml <i>Set of 02 containers: 500 - 1000 ml</i>
Mã sản phẩm: <i>Product code</i>	HIN.HNNA.B001
Thông số kỹ thuật: <i>Technical specification</i>	Kích thước (D x R x C) tương ứng (201 x 137 x 67) mm <i>Dimensions (L x W x H) correspond to (201 x 137 x 67) mm</i>
Khối lượng tịnh: <i>Net weight</i>	294 g
Thành phần: <i>Materials</i>	Nhựa PP, nhựa AS, silicone, hạt màu, Phụ gia chứa Ion Bạc (Ag+) PP, AS, Silicone, Color masterbatch, Additive containing silver ions (Ag+)
Hướng dẫn sử dụng: <i>User guide</i>	Dùng để đựng thực phẩm, khả năng chịu nhiệt từ -20°C đến 100°C <i>Used to store food, heat resistant from -20°C to 100°C</i>
Hướng dẫn bảo quản: <i>Product care instruction</i>	Nơi khô ráo, thoáng mát <i>Keep in a cool, dry place</i>
Thông tin cảnh báo: <i>Precaution</i>	Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp <i>Keep away from direct heat sources</i>

Nơi sản xuất được mã hóa bởi:

☐ Nhà máy Bắc Ninh

☐ Nhà máy Đồng Nai 2

☒ Nhà máy Long An

Màu sắc / Color:



Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:

Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ:

314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hotline: 1800 7009 (miễn phí cước gọi)

Manufactured by:

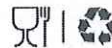
Tan Phu Vietnam JSC

Address: 314 Luy Ban Bich Street,

Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City,

Vietnam

Hotline: 1800 7009 (toll free)



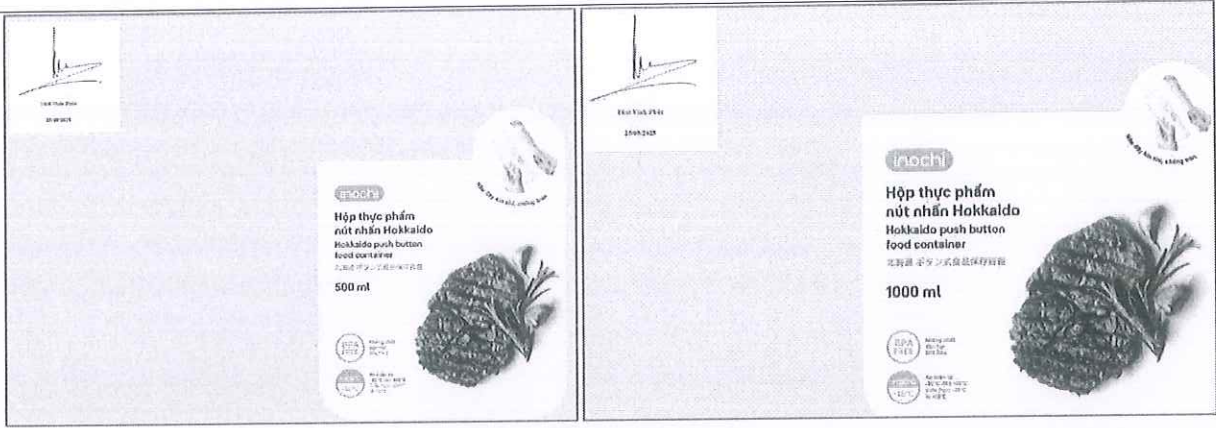
SX 11/2024

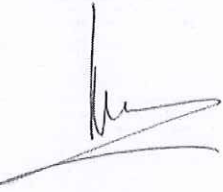
Sản xuất tại Việt Nam

Made in Vietnam



8 935275 226027





Thái Vinh Phúc

25/09/2025

inochi

Tên sản phẩm: Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido
Mã sản phẩm: HIN.HNNA.0500 - Thông số kỹ thuật:
Kích thước (D x R x C) tương ứng (167 x 107 x 58) mm -
Dung tích: 500 ml - Khối lượng tịnh: 118 g - Thành phần: Nhựa PP, nhựa AS, silicone, hạt màu, Phụ gia chứa ion Bạc (Ag+) - Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thực phẩm, khả năng chịu nhiệt từ -20°C đến 100°C - Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát - Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido push button food container
• **Materials:** PP, AS, Silicone, Color masterbatch, Additive containing silver ions (Ag+) • **User guide:** Used to store food, heat resistant from -20°C to 100°C • **Product care instruction:** Keep in a cool, dry place • **Precaution:** Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

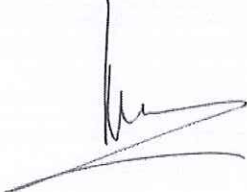
Manufactured by: Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Lũy Bán Bích Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Nơi sản xuất được mã hóa:
☐ Nhà máy Bắc Ninh
☐ Nhà máy Đồng Nai 2
☒ Nhà máy Long An

SX 11/2024
Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam



6935275226003



Thái Vinh Phúc

25/09/2025

inochi

Tên sản phẩm: Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido
Mã sản phẩm: HIN.HNNA.1000 - Thông số kỹ thuật:
Kích thước (D x R x C) tương ứng (201 x 137 x 67) mm -
Dung tích: 1000 ml - Khối lượng tịnh: 176 g - Thành phần: Nhựa PP, nhựa AS, silicone, hạt màu, Phụ gia chứa ion Bạc (Ag+) - Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thực phẩm, khả năng chịu nhiệt từ -20°C đến 100°C - Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát - Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido push button food container
• **Materials:** PP, AS, Silicone, Color masterbatch, Additive containing silver ions (Ag+) • **User guide:** Used to store food, heat resistant from -20°C to 100°C • **Product care instruction:** Keep in a cool, dry place • **Precaution:** Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Manufactured by: Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Lũy Bán Bích Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Nơi sản xuất được mã hóa:
☐ Nhà máy Bắc Ninh
☐ Nhà máy Đồng Nai 2
☒ Nhà máy Long An

SX 12/2024
Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam



6935275226010

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025

Page 01/08

1. Tên mẫu : HỘP THỰC PHẨM NÚT NHẪN HOKKAIDO
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description
(xem hình trang 08/08/ see picture on page 08/08)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 16/10/2025
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 17/10/2025 – 27/10/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM
Customer
314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results
Refer to next pages

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.

Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025
 Page 02/08

A- NẤP

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Acrylo- nitrile styrene copolymer	-
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025
Page 03/08

**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 04 trên tổng số 04 chỉ tiêu theo quy định của Bảng 1 - Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu NẮP (có thành phần là nhựa từ nhựa Acrylonitrile styrene copolymer) có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của Bảng 1 - Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa của QCVN 12-1 : 2011/BYT. / *This testing reports recorded testing results of 04 per 04 test items as specified in Table 1 - General requirements for plastic packaging and container of QCVN 12-1 : 2011/BYT. LID sample (composed of plastic from Acrylonitrile styrene copolymer) has all testing results indicated on section No. 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.*

QCVN 12-1 : 2011/BYT chưa qui định yêu cầu kỹ thuật đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Acrylonitrile styrene copolymer/ *QCVN 12-1: 2011/BYT has not yet specified technical requirements for plastic packaging and container from Acrylonitrile styrene copolymer plastic.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(⁺) Được qui định tại Bảng 1 - Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa của QCVN 12-1 : 2011/BYT/ *As specified in Table 1, general requirements for plastic packaging and container of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. / *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025

Page 04/08

B- THÂN

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-propylene	-
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THỜI NHIỆM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	11,8	≤ 30
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025
Page 05/08

**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 06 trên tổng số 06 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. / *This testing reports recorded testing results of 06 per 06 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No. 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. / *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/10/2025
Page 06/08

C- RON

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result	Mức yêu cầu Requirement (+)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Silicone	-
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.4 Thử 2-Mercapto imidazoline/ <i>2-Mercapto imidazoline test</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	N/A	Âm tính Negative
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals (as Pb) in 4 % acetic acid after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 1,0	≤ 1
7.6 Hàm lượng kẽm trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Zinc content in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 15
7.7 Hàm lượng phenol trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Phenol content in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 5	≤ 5
7.8 Thử formaldehyde trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Formaldehyde test in water after 30 min at 60 °C</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	Âm tính Negative	Âm tính Negative
7.9 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-2 : 2011/BYT			
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025
Page 07/08

**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 8 trên tổng số 8 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-2 : 2011/BYT . Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-2 : 2011/BYT. / *This testing reports recorded testing results of 8 per 8 test items as regulated in QCVN 12-2 : 2011/BYT . Sample has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-2 : 2011/BYT.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for rubber implements, container and packaging in direct contact with foods”.*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

N/A: Không áp dụng đối với cao su không chứa clo/ *Not applicable for rubber not containing chlorine*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. / *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06532AHD5/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2025
Page 08/08



Handwritten signature

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.

Về việc bổ sung nhãn sản phẩm dự kiến trong HSTCB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2026

Số: 279/66/TPP/2026

Kính gửi: Sở An toàn Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Trước hết, Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Sở An toàn thực phẩm vì sự hỗ trợ và hướng dẫn tận tình trong suốt thời gian qua.

Nhằm đáp ứng thị hiếu và xu hướng người tiêu dùng, Công ty chúng tôi có thiết kế lại nhãn của sản phẩm bên dưới nên cần bổ sung vào các hồ sơ tự công bố tương ứng đã nộp, cụ thể như sau:

STT	TÊN HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ	SỐ HSTCB	THÔNG TIN TRÊN WEB
1	HỘP THỰC PHẨM NÚT NHẪN HOKKAIDO	(279-V02/TPP-CTY/2025)	✦ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☐ Tên sản phẩm: HỘP THỰC PHẨM NÚT NHẪN HOKKAIDO 📍 Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh 📅 Ngày nhận hồ sơ: 11/12/2025

Nội dung cập nhật:

Tại Mục II.5 “Tên và địa chỉ sản xuất sản phẩm” của trong hồ sơ tự công bố như sau:

Nội dung trước thay đổi	Nội dung sau thay đổi
Sản xuất tại: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam. Trụ sở: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Nhà máy sản xuất: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (được mã hóa là Nhà máy Đồng Nai 2).	Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP (được mã hóa là Nhà máy DNP) Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô 13, đường D4, Khu công nghiệp Đất Đỏ I, xã Đất Đỏ, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại Mục “III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)” trong hồ sơ tự công bố như sau:

Nội dung trước thay đổi	Nội dung sau thay đổi
Khối lượng tịnh	Số lượng
Nơi sản xuất được mã hóa: ☐ Nhà máy Đồng Nai 2	Nơi sản xuất được mã hóa (liệt kê như trên nhãn) ☐ Nhà máy DNP
Hotline 1800 7009	Hotline 1800 8365

Chi tiết mẫu nhãn dự kiến sản phẩm được đính kèm trong công văn này

Chúng tôi xin cam kết rằng việc cập nhật này không thay đổi thông tin về thành phần cấu tạo, xuất xứ hay tên sản phẩm và Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của các hồ sơ tự công bố đã nộp.

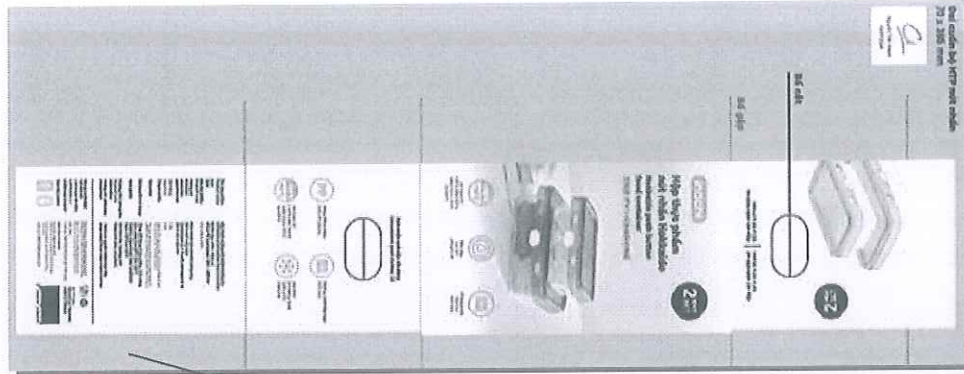
Xin cảm ơn và Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Đức Hoàng
Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Tên sản phẩm: <i>Product name</i>	Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido <i>Hokkaido push button food container</i>
Loại: <i>Type</i>	Bộ 02 hộp: 500 - 1000 ml <i>Set of 02 containers: 500 - 1000 ml</i>
Mã sản phẩm: <i>Product code</i>	HIN.HNNA.B001
Thông số kỹ thuật: <i>Technical specification</i>	Kích thước (D x R x C) tương ứng (201 x 137 x 67) mm <i>Dimensions (L x W x H) correspond to (201 x 137 x 67) mm</i>
Số lượng: <i>Quantity:</i>	1 bộ 1 set
Thành phần: <i>Materials</i>	Nhựa PP, Nhựa AS, Silicone, Hạt màu, Phụ gia chứa Ion Bạc (Ag+) PP, AS, Silicone, Color masterbatch, Additive containing silver ions (Ag+)
Hướng dẫn sử dụng: <i>User guide</i>	Dùng để đựng thực phẩm, khả năng chịu nhiệt từ -20°C đến 100°C <i>Used to store food, heat resistant from -20°C to 100°C</i>
Hướng dẫn bảo quản: <i>Product care instruction</i>	Nơi khô ráo, thoáng mát <i>Keep in a cool, dry place</i>
Thông tin cảnh báo: <i>Precaution</i>	Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp <i>Keep away from direct heat sources</i>

Nơi sản xuất được mã hóa bởi:
☐ Nhà máy Bắc Ninh
☐ Nhà máy DNP
☒ Nhà máy Long An

Màu sắc / Color:



Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
 Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
 Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Hotline: 1800 8365 (miễn phí cước gọi)

Manufactured by:
 Tan Phu Vietnam JSC
 Address: 314 Luy Ban Bich Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Hotline: 1800 8365 (toll free)



SX 07/2026
 Sản xuất tại Việt Nam
 Made in Vietnam



8 935275 226027

640880
 NG TY
 PHÂN
 N PHÚ
 T NAM
 TP.HỒ C



Cu

Nguyễn Tiến Mạnh

16/07/2026

inochi

Tên sản phẩm: Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido
Mã sản phẩm: HIN.HNNA.1000 • Thông số kỹ thuật:
Kích thước (D x R x C) tương ứng (201 x 137 x 67) mm •
Dung tích: 1000 ml • Số lượng: 1 cái • Thành phần:
Nhựa PP, Nhựa AS, Silicone, Hạt màu, Phụ gia chứa Ion Bạc (Ag+) • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thực phẩm, khả năng chịu nhiệt từ -20°C đến 100°C •
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát •
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido push button food container
• **Materials: PP, AS, Silicone, Color masterbatch, Additive containing silver ions (Ag+)** • **User guide: Used to store food, heat resistant from -20°C to 100°C**
• **Product care instruction: Keep in a cool, dry place** •
Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: Manufactured by:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam Tan Phu Vietnam JSC
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Address: 314 Lũy Bán Bích
Phường Tân Phú, Street, Tân Phú Ward,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 8365 (miễn phí) Hotline: 1800 8365 (toll free)

Nơi sản xuất được mã hóa:
☐ Nhà máy Bắc Ninh
☐ Nhà máy DNP
☒ Nhà máy Long An

SX 07/2026
Sản xuất tại Việt Nam
Made In Vietnam



8935275226010

Cu

Nguyễn Tiến Mạnh

16/07/2026

inochi

Tên sản phẩm: Hộp thực phẩm nút nhấn Hokkaido
Mã sản phẩm: HIN.HNNA.0500 • Thông số kỹ thuật:
Kích thước (D x R x C) tương ứng (167 x 107 x 58) mm •
Dung tích: 500 ml • Số lượng: 1 cái • Thành phần: Nhựa
PP, Nhựa AS, Silicone, Hạt màu, Phụ gia chứa Ion Bạc (Ag+) • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thực phẩm, khả năng chịu nhiệt từ -20°C đến 100°C •
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát •
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido push button food container
• **Materials: PP, AS, Silicone, Color masterbatch, Additive containing silver ions (Ag+)** • **User guide: Used to store food, heat resistant from -20°C to 100°C**
• **Product care instruction: Keep in a cool, dry place** •
Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: Manufactured by:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam Tan Phu Vietnam JSC
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Address: 314 Lũy Bán Bích
Phường Tân Phú, Street, Tân Phú Ward,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 8365 (miễn phí) Hotline: 1800 8365 (toll free)

Nơi sản xuất được mã hóa:
☐ Nhà máy Bắc Ninh
☐ Nhà máy DNP
☒ Nhà máy Long An

SX 07/2026
Sản xuất tại Việt Nam
Made In Vietnam



8935275226003

